

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Việt Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chín.

Ông Lê Văn Do.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Sỹ T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Hồ Sỹ T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L ngày 23/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, bắt

đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Anh T có mối quan hệ bất chính ở ngoài, hay đi chơi cơ bạc và về nhà thỉnh thoảng có hành vi bạo lực gia đình. Chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Sỹ T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là Hồ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/12/2002 và Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung là Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hồ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/12/2002 đã thành niên nên chị không có yêu cầu gì. Chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Hồ Sỹ T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa cho anh T theo đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, anh T đã không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình tố tụng bị đơn anh Hồ Sỹ T sinh sống tại địa chỉ Tổ dân phố 2, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L theo quy

định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Thanh H và anh Hồ Sỹ T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L ngày 23/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Anh T có mối quan hệ bất chính ở ngoài, hay đi chơi cơ bạc và về nhà thỉnh thoảng có hành vi bạo lực gia đình. Chị H nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh T tại nơi cư trú, tổ trưởng Tổ dân phố 2, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ cũng đã xác nhận vợ chồng chị H và anh T có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ vì chị H và anh T không báo. Anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng chị H và anh T vì bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Từ khi chị H nộp đơn khởi kiện đến nay tình trạng hôn nhân của chị H và anh T vẫn không cải thiện nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Hồ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/12/2002 và Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013. Hiện cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên không có yêu cầu gì. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013, anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, từ khi vợ chồng mâu thuẫn, chị H là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, có trách nhiệm với con chung nên con chung phát triển bình thường, khỏe mạnh, học hành đầy đủ, cháu A có nguyện vọng được sống với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao con chung Hồ

Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên chấp nhận yêu cầu này của chị H. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Hồ Sỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Hồ Sỹ T.

2. Về con chung: Giao con chung là Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu anh Hồ Sỹ T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010061 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L. Chị H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án 10/5/2024 nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ Đ;
- UBND TT Đ Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân